

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC**  
**NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**  
**(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN**  
**XE TÀU HẬU GIANG**  
**MST: 6300319969**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7 xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 – 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 – 12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 – 23

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến xe tàu Hậu Giang (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bến xe tàu Hậu Giang là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ đơn vị sự nghiệp công lập “Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu Hậu Giang” theo quyết định số 206/QĐ- UBND ngày 30/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6300319969 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hậu Giang cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2019 và cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 07 năm 2021 chuẩn y về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh Doanh nghiệp: 34.349.700.000 VND  
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 34.349.700.000 VND

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Quốc lộ số 61C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ cho thuê.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

### **CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

Bà Đào Thị Loan Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2020
Ông Dương Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021
Ông Huỳnh Vũ Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

---

**Ban Giám đốc**

Ông Dương Minh Đức	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021
Ông Huỳnh Vũ Anh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021

**Ban kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Diễm Trang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2020
Ông Lê Thành Ngoan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2020
Bà Phan Thị Ngọc Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021
Ông Trương Hoàng Thúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2021

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là bà Đào Thị Loan Anh – Chủ tịch hội đồng quản trị và ông Dương Minh Đức – Giám đốc Công ty.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán & Định giá ASCO – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính này. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



---

**ĐÀO THỊ LOAN ANH**  
*Chủ tịch*

Hậu Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Số: 334/2022/BCKT/ASCO-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe tàu Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe tàu Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính đó tại ngày 08 tháng 04 năm 2021.



Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO**  
**- CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**



---

**ĐẶNG TRẦN KIÊN**

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1260-2018-149-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

---

**HỨA THOẠI QUYÊN**

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1888-2018-149-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.370.170.031</b>	<b>11.405.875.099</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.646.785.454</b>	<b>9.602.058.196</b>
1. Tiền	111		3.646.785.454	4.102.058.196
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.720.384.577</b>	<b>1.803.816.903</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.387.664.330	1.206.977.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	332.720.247	596.839.504
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.000.000</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	3.000.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.967.212.750</b>	<b>25.487.436.610</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.981.495.835</b>	<b>24.696.173.644</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	22.981.495.835	24.696.173.644
- Nguyên giá	222		32.052.633.857	32.052.633.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.071.138.022)	(7.356.460.213)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.724.572.300</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	6.724.572.300	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>261.144.615</b>	<b>791.262.966</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	261.144.615	791.262.966
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>43.337.382.781</b>	<b>36.893.311.709</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.550.174.137</b>	<b>2.743.558.783</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.323.974.137</b>	<b>2.441.958.783</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	6.670.117.185	816.056.471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	723.404.753	515.482.237
4. Phải trả người lao động	314		23.224.929	12.280.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		34.727.270	158.992.424
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	872.500.000	1.252.573.849
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	(313.426.198)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>226.200.000</b>	<b>301.600.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	226.200.000	301.600.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

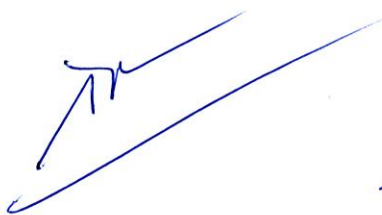
Địa chỉ: Quốc lộ số 61C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.787.208.644</b>	<b>34.149.752.926</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>34.787.208.644</b>	<b>34.149.752.926</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.349.700.000	34.349.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.349.700.000	34.349.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.977.131	5.977.131
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		431.531.513	(205.924.205)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(205.924.205)	(22.586.729)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		637.455.718	(183.337.476)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>43.337.382.781</b>	<b>36.893.311.709</b>



**THÁI THỊ CẨM TRANG**  
Người lập biểu



**NGUYỄN PHƯƠNG LINH**  
Kế toán trưởng



Hậu Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2022

**DƯƠNG MINH ĐỨC**  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21.915.082.871	18.202.477.547
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.1	21.915.082.871	18.202.477.547
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	18.362.699.386	15.496.178.536
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		3.552.383.485	2.706.299.011
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	353.595.643	148.215.920
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.817.551	39.159.868
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.774.613	39.159.868
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	482.309.715	1.371.259.651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.688.939.129	1.621.540.064
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	30		703.912.733	(177.444.652)
11. Thu nhập khác	31		52.692.563	-
12. Chi phí khác	32		46.173.195	5.892.824
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.519.368	(5.892.824)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		710.432.101	(183.337.476)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.8	72.976.383	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		637.455.718	(183.337.476)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	186	(53)


**THÁI THỊ CẨM TRANG**  
 Người lập biểu


**NGUYỄN PHƯƠNG LINH**  
 Kế toán trưởng

**ĐƯƠNG MINH ĐỨC**  
 Giám đốc

Hậu Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2022

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp trực tiếp)****Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021****MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		15.444.141.710	19.874.074.055
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(9.027.316.767)	(12.892.847.446)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.499.015.066)	(2.256.701.782)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(30.774.613)	(39.159.868)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(9.397.246)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		660.962.867	1.088.331.933
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.057.117.181)	(3.092.862.179)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>490.880.950</b>	<b>2.671.437.467</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.724.572.300)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		353.845.243	148.215.920
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(870.727.057)</b>	<b>148.215.920</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		1.749	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(28.384)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33			-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(75.400.000)	(75.400.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(75.426.635)</b>	<b>(75.400.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(455.272.742)</b>	<b>2.744.253.387</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4.102.058.196</b>	<b>6.857.804.809</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.646.785.454</b>	<b>9.602.058.196</b>

**THÁI THỊ CẨM TRANG**  
Người lập biểu

Hậu Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2022

**NGUYỄN PHƯƠNG LINH**  
Kế toán trưởng**DƯƠNG MINH ĐỨC**  
Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ số 61C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần bến xe tàu Hậu Giang là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ đơn vị sự nghiệp công lập "Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu Hậu Giang" theo quyết định số 206/QĐ- UBND ngày 30/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6300319969 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2019 và cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 07 năm 2021 chuẩn y về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh Doanh nghiệp: 34.349.700.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 : 34.349.700.000 VND

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Quốc lộ số 61C, ấp 7 xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ cho thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là vận tải hành khách nội tỉnh liên tỉnh, người lao động công ty.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND"), và được lập theo Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán, Nguyên tắc kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **2. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư sửa đổi bổ sung hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 18 năm
Máy móc và thiết bị	02 – 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Tài sản cố định khác	03 năm

#### 5. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 8. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông sở hữu.

##### *Các quỹ*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### 9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng đã hoàn thành.

**12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**13. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.617.134.991	524.094.420
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.029.650.463	3.577.963.776
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.646.785.454</u></b>	<b><u>9.602.058.196</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Lạc Tỷ II	9.197.338.010	947.325.247
Công ty Cổ phần xe khách Phương Trang – CN Hậu Giang	55.162.160	212.070.552
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hậu Giang	-	17.934.000
Công ty TNHH Vận chuyển hành khách Mỹ Duyên	38.364.160	23.647.600
Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Mai Linh tại Hậu Giang	12.000.000	6.000.000
Khách hàng khác	84.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.387.664.330</u></b>	<b><u>1.206.977.399</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Phải thu khác ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	300.000.000	-
Phải thu quỹ phúc lợi	313.426.198	-	-	-
Phải thu khác	19.294.049	-	296.839.504	-
<b>Cộng</b>	<b>332.720.247</b>	<b>-</b>	<b>596.839.504</b>	<b>-</b>

**4. Chi phí trả trước****4a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí khác	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>-</b>

**4b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	167.758.222	631.202.915
Chi phí duy tu, sửa chữa tài sản	93.386.393	160.060.051
<b>Cộng</b>	<b>261.144.615</b>	<b>791.262.966</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	30.720.176.466	807.002.846	494.454.545	31.000.000	32.052.633.857
Mua mới	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>30.720.176.466</b>	<b>807.002.846</b>	<b>494.454.545</b>	<b>31.000.000</b>	<b>32.052.633.857</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	6.837.660.408	459.021.013	49.445.460	10.333.332	7.356.460.213
Khấu hao	1.536.954.175	117.944.842	49.445.460	10.333.332	1.714.677.809
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.374.614.583</b>	<b>576.965.855</b>	<b>98.890.920</b>	<b>20.666.664</b>	<b>9.071.138.022</b>
<i>Giá trị còn lại</i>					
Số dư đầu năm	23.882.516.058	347.981.833	445.009.085	20.666.664	24.696.173.644
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.345.561.883</b>	<b>230.036.991</b>	<b>395.563.625</b>	<b>10.333.336</b>	<b>22.981.495.835</b>

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 494.454.545 đồng và 395.563.625 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (xem thuyết minh V.10).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng công trình Bến xe thành phố Ngã 7.

**7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyễn Văn Tài	1.191.225.000	793.164.771
Công ty TNHH hai thành viên vận tải Hậu Giang	933.293.185	-
THỊ PHỘC	3.847.050.000	-
Các nhà cung cấp khác	698.549.000	22.891.700
<b>Cộng</b>	<b><u>6.670.117.185</u></b>	<b><u>816.056.471</u></b>

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	447.004.477	1.292.912.313	(1.003.938.250)	735.978.540
Thuế TNDN	-	72.976.383	-	72.976.383
Tiền thuê đất	68.477.760	199.617.064	(353.644.994)	(85.550.170)
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>515.482.237</u></b>	<b><u>1.568.505.760</u></b>	<b><u>(1.360.583.244)</u></b>	<b><u>723.404.753</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	710.432.101	(183.337.476)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	16.751.983	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>727.184.084</u>	<u>(183.337.476)</u>
Chuyển lỗ	<u>(205.924.205)</u>	<u>-</u>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>521.259.879</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	-
Thuế TNDN	104.251.976	-
Thuế TNDN được giảm theo quy định	<u>(31.275.593)</u>	<u>-</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>72.976.383</u></b>	<b><u>-</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**9. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	872.500.000	1.005.500.000
Phải trả khác	-	247.073.549
<b>Cộng</b>	<b><u>872.500.000</u></b>	<b><u>1.252.573.549</u></b>

**10. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngân hàng	226.200.000	226.200.000	301.600.000	301.600.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư &amp; Phát triển- Chi nhánh Hậu Giang</i>	<i>226.200.000</i>	<i>226.200.000</i>	<i>301.600.000</i>	<i>301.600.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>226.200.000</u></b>	<b><u>226.200.000</u></b>	<b><u>301.600.000</u></b>	<b><u>301.600.000</u></b>

Hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển- Chi nhánh Hậu Giang số 001/2019/12905666/HĐTD ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mục đích vay mua xe ô tô để phục vụ nhu cầu của Công ty với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân theo lãi suất thả nổi điều chỉnh mỗi 03 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

Tình hình biến động các khoản vay trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay trong năm</u>	<u>Trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư &amp; Phát triển- Chi nhánh Hậu Giang</i>	<i>301.600.000</i>	<i>-</i>	<i>(75.400.000)</i>	<i>226.200.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>301.600.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(75.400.000)</u></b>	<b><u>226.200.000</u></b>

**11. Vốn chủ sở hữu****11a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Năm trước</b>				
Số dư đầu năm	34.068.055.311	1.178.326.402	(911.801.165)	34.334.580.548
Lợi nhuận năm	-	-	(183.337.476)	(183.337.476)
Tăng khác	1.172.349.271	-	890.677.947	2.063.027.218
Giảm khác	(890.704.582)	(1.172.349.271)	(1.463.511)	(2.064.517.364)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>34.349.700.000</u></b>	<b><u>5.977.131</u></b>	<b><u>(205.924.205)</u></b>	<b><u>34.149.752.926</u></b>
<b>Năm nay</b>				
Số dư đầu năm	34.349.700.000	5.977.131	(205.924.205)	34.149.752.926
Lợi nhuận năm	-	-	637.455.718	637.455.718
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>34.349.700.000</u></b>	<b><u>5.977.131</u></b>	<b><u>431.531.513</u></b>	<b><u>34.787.208.644</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn thực tế (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
UBND tỉnh Hậu Giang	34.245.700.000	96,79	34.245.700.000	-
Các cổ đông khác	1.104.000.000	3,21	1.104.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>34.349.700.000</b>	<b>100,00</b>	<b>34.349.700.000</b>	<b>-</b>

**11c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.434.970	3.443.450
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.434.970	3.443.450
- Cổ phiếu phổ thông	3.434.970	3.443.450
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.434.970	3.443.450
- Cổ phiếu phổ thông	3.434.970	3.443.450

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu thuần cung cấp dịch vụ trong năm.

**2. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	125.845.243	148.215.920
Doanh thu hoạt động tài chính khác	228.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>353.845.243</b>	<b>145.945.280</b>

**4. Chi phí tài chính**

Là chi phí lãi vay phát sinh.

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	162.000.000	-
Chi phí vật liệu	-	9.964.736
Chi phí đồ dùng văn phòng	822.364	2.310.274
Chi phí phân bổ	10.909.089	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.287.878	120.606.239
Các chi phí bằng tiền khác	167.290.384	1.238.396.402
<b>Cộng</b>	<b>482.309.715</b>	<b>1.371.259.651</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG**

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.196.932.514	846.535.488
Chi phí vật liệu	-	25.843.546
Chi phí đồ dùng văn phòng	602.215.636	12.843.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định		
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	9.840.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.170.050	50.102.721
Các chi phí bằng tiền khác	694.620.929	676.735.220
<b>Cộng</b>	<b><u>2.688.939.129</u></b>	<b><u>1.621.540.064</u></b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	637.455.718	(183.337.476)
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>637.455.718</b>	<b>(183.337.476)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	3.434.970	3.443.450
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>186</u></b>	<b><u>(53)</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.434.970	3.443.450
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tăng trong năm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>3.434.970</u></b>	<b><u>3.443.450</u></b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.544.330.312	711.872.444
Chi phí nhân công	3.263.658.812	2.398.842.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.714.677.809	1.719.266.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.379.993.828	10.790.165.717
Chi phí khác	781.254.598	2.868.831.591
<b>Cộng</b>	<b><u>21.683.915.359</u></b>	<b><u>18.488.978.251</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan mật thiết với các cá nhân này và các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ số 61 C, ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt chỉ bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương, thù lao và các khoản thưởng với tổng tiền lương trong năm là 520.029.000 đồng (cùng kỳ năm trước là 560.601.600 đồng).

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Công ty**

UBND tỉnh Hậu Giang

**Mối quan hệ**

Cổ đông

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**THÁI THỊ CẨM TRANG**  
Người lập biểu

**NGUYỄN PHƯƠNG LINH**  
Kế toán trưởng



Hậu Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2022

**DƯƠNG MINH ĐỨC**  
Giám đốc